

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản 38 lô đất khu dân cư thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Tư Pháp về việc quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài Chính về việc quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài Chính về việc quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuế mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài Tài nguyên và Môi Trường - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp lập về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 02/VBHN-BTC ngày 15/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù Lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn từ năm 2020-2024;

Căn cứ Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3874/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bình Tân, thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bình Tân, thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Tờ trình số 107/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện Phú Riềng và kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy số 22-KL/HU ngày 19/10/2021; theo Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng số 1918/TB-UBND ngày 14/12/2021 về việc thuận chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư Bình Tân, thôn Phước Hòa, xã Bình Tân;

Căn cứ Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 28/09/2021 và Kế hoạch số: 34/UBND-KT ngày 10/01/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc bán đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất trên địa bàn huyện Phú Riềng năm 2022;

Căn cứ Thông báo kết luận Chủ tịch số 30/TB-UBND ngày 23/02/2022 tại cuộc họp ngày 16/02/2022;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 27/04/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc điều chỉnh Quyết định số: 3950/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện.

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 29/04/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt Phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư Bình Tân, thôn Phước Hòa, xã Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc bán đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất khu dân cư thôn Phước Hòa, xã Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 03/06/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt giá khởi điểm tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất 38 lô đất Khu thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng.

Để đảm bảo tài sản được đưa ra đấu giá theo đúng quy định của pháp luật. Nay Ban QLDA xây dựng huyện Phú Riềng thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản sau:

1. Người có tài sản đấu giá:

Ủy Ban nhân dân huyện Phú Riềng.

2. Đơn vị được giao quản lý việc đấu giá quyền sử dụng đất:

Ban QLDA xây dựng huyện Phú Riềng.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Số điện thoại: 02713.939006.

3. Tài sản đấu giá là:

Đất Cùm: Diện tích: 7.474,20 m² (Bảy ngàn, Bốn trăm bảy mươi bốn phẩy hai mét vuông), bao gồm 38 lô đất ở cụ thể như sau:

- Vị trí thửa đất: Khu dân cư thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng

- Tổng số lô: 38 lô.

- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.

- Tổng giá khởi điểm: **58.782.503.000 đồng**

(Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, năm trăm lẻ ba ngàn).

Stt	Ký hiệu lô	Thửa đất, Số tờ bản đồ 18	KV-VT	Diện tích (m ²)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lô số 1	328	KV2 - PV1	184,9	2.559.544.000	
2	Lô số 2	327	KV2 - PV1	192,8	2.668.902.000	
3	Lô số 3	326	KV2 - PV1	191,3	2.648.138.000	
4	Lô số 4	325	KV2 - PV1	190,0	2.630.142.000	
5	Lô số 5	324	KV2 - PV1	188,5	3.131.254.000	
6	Lô số 6	306	KV2 - PV1	168,2	2.794.042.000	
7	Lô số 7	305	KV2 - PV1	167,0	2.311.757.000	
8	Lô số 8	304	KV2 - PV1	165,7	2.293.761.000	
9	Lô số 11	307	KV2 - PV1	209,8	1.314.165.000	
10	Lô số 12	308	KV2 - PV1	209,9	1.314.791.000	

11	Lô số 13	309	KV2 - PV1	209,8	1.314.165.000	
12	Lô số 14	310	KV2 - PV1	209,8	1.314.165.000	
13	Lô số 15	311	KV2 - PV1	209,8	1.314.165.000	
14	Lô số 16	312	KV2 - PV1	209,8	1.314.165.000	
15	Lô số 17	313	KV2 - PV1	209,7	1.313.538.000	
16	Lô số 18	314	KV2 - PV1	209,7	1.313.538.000	
17	Lô số 19	315	KV2 - PV1	209,6	1.312.912.000	
18	Lô số 20	316	KV2 - PV1	209,6	1.312.912.000	
19	Lô số 21	317	KV2 - PV1	209,7	1.313.538.000	
20	Lô số 22	318	KV2 - PV1	209,5	1.312.285.000	
21	Lô số 23	319	KV2 - PV1	209,5	1.312.285.000	
22	Lô số 24	320	KV2 - PV1	209,6	1.312.912.000	
23	Lô số 25	321	KV2 - PV1	209,6	1.312.912.000	
24	Lô số 26	322	KV2 - PV1	179,6	1.124.995.000	
25	Lô số 31	342	KV2 - PV1	224,6	1.406.870.000	
26	Lô số 32	341	KV2 - PV1	211,4	1.324.187.000	
27	Lô số 33	340	KV2 - PV1	198,8	1.245.262.000	
28	Lô số 34	339	KV2 - PV1	193,1	1.209.558.000	
29	Lô số 35	338	KV2 - PV1	189,0	1.183.876.000	
30	Lô số 36	337	KV2 - PV1	184,7	1.156.941.000	
31	Lô số 37	336	KV2 - PV1	181,2	1.135.017.000	
32	Lô số 38	335	KV2 - PV1	179,0	1.121.237.000	
33	Lô số 39	334	KV2 - PV1	178,4	1.117.478.000	
34	Lô số 40	333	KV2 - PV1	177,8	1.113.720.000	
35	Lô số 41	332	KV2 - PV1	177,2	1.109.962.000	
36	Lô số 42	331	KV2 - PV1	186,40	1.167.589.000	
37	Lô số 43	330	KV2 - PV1	202,3	1.267.185.000	
38	Lô số 44	329	KV2 - PV1	216,9	1.358.638.000	
Tổng cộng:				7.474,2	58.782.503.000	

Theo Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện Phú Riềng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bình Tân, thôn Phước Hòa, xã Bình Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước và Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 27/04/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc điều chỉnh Quyết định số: 3950/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện.

- Chủ trương thực hiện đấu giá: Tờ trình số 107/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện Phú Riềng và kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy số 22-KL/HU ngày 19/10/2021; Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện Phú

Riêng số 1918/TB-UBND ngày 14/12/2021 về việc thuận chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư xã Bình Tân;

- Văn bản số 494/UBND-KT ngày 13/04/2022 của UBND huyện Phú Riềng về việc thuận chủ trương điều chỉnh Quyết định số: 3950/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện.

Tất cả tài sản trên được tổ chức đấu giá chung thành 01 gói.

4. Tiêu chí lựa chọn: Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp lập về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá;

- Tổ chức đấu giá có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho toàn bộ công việc tổ chức thực hiện đấu giá tài sản.

- Có Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Có đội ngũ Đấu giá viên có năng lực, kinh nghiệm và uy tín.

- Có mức thù lao dịch vụ đấu giá phù hợp.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp công bố.

- Tiêu chuẩn đánh giá các tổ chức cần đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Sử dụng thang điểm 100 thống nhất với thang điểm:

+ Hồ sơ năng lực không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với ít nhất một trong các tiêu chuẩn kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

+ Hồ sơ năng lực có điểm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu là 70 điểm được đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

+ Xếp hạng năng lực các tổ chức: Hồ sơ năng lực có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất các hồ sơ còn lại được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

+ Tổ chức đấu giá được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng số điểm tối thiểu các nội dung sau đây:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	MỨC ĐIỂM YÊU CẦU TỐI THIỂU
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	16
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0	

2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0	
3	<i>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</i>	2,0	
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0	
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	15
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá</i>	4,0	
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0	
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	32
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0	
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0	
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0	
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0	
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0	
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0	
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0	



2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2.5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0	
3.1	Dưới 03 năm	3,0	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0	
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0	
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0	
4.1	01 đấu giá viên	1,0	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0	
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0	
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0	
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0	
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0	
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0	
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0	
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	



7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0	3,5
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	3,5
Tổng số điểm		100	70
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

Lưu ý: Tất cả tài liệu chứng minh phải bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại thang điểm trên.

Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

Thời gian nhận hồ sơ là từ ngày ra thông báo đến hết ngày **10/06/2022**.

Địa điểm tiếp nhận hồ sơ tại: Ban quản lý dự án xây dựng huyện Phú Riềng.



Hình thức tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban quản lý dự án xây dựng huyện Phú Riềng.

6. Thông báo, niêm yết:

Thông báo này sẽ được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử dgts.moj.gov.vn ./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuấn

